TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 84/2021/HNGĐ - ST
Ngày 14 tháng 12 năm 2021
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Môn; Bà Hoàng Thị Hồng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 262/2021/TLST – HNGĐ ngày 12/8/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm: 1996 (Có mặt)

ĐKHK: Số nhà E , ngõ S, đường NVC, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở: Số nhà 2, ngõ M, đường N, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Mai Đức H- sinh năm: 1988 (vắng mặt)

ĐKHKTT và nơi ở: Số nhà E, ngõ S, đường NVC, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/8/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc A trình bày: Chị và anh Mai Đức H đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự quyết định kết hôn. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang ngày 31/12/2014 và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau và sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối

năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong việc chăm sóc, nuôi dạy con, ngoài ra còn do anh H không chịu làm ăn, sống phụ thuộc vào vợ và gia đình, khiến kinh tế gia đình khó khăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên đA, cãi, chửi nhau. Tháng 11 năm 2020 chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và đã đi nộp tiền tạm ứng án phí, nhưng do chị không nộp biên lai thu tạm ứng án phí cho Tòa án nên Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện cho chị. Sau đó, vợ chồng chị tự hòa giải tiếp tục chung sống với nhau, tuy nhiên vợ chồng chung sống đến tháng 2 năm 2021 lại mâu thuẫn gay gắt, không thể hòa giải được, chị quyết định sống ly thân và đã về nhà bố, mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay, vợ chồng không gặp nhau, không còn quan tâm hay có tình cảm với nhau nữa. Nay do mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Mai Đức H ly hôn.

Vợ chồng có con chung là Mai Đức Ngh, sinh ngày 01/01/2015, con khỏe mạnh và hiện đang ở cùng anh H. Khi ly hôn, chị nhất trí để anh H tiếp tục nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án xem xét mà để chị và anh H thỏa thuận riêng.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

Bị đơn anh Mai Đức H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản tự khai, tài liệu, chứng cứ song anh H không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai gửi Tòa án. Tuy nhiên, ngày 07/12/2021, sau khi nhận quyết định xét xử, tại biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, anh H nêu ý kiến anh đồng ý ly hôn, đồng ý được trực tiếp chăm sóc, nuôi con Mai Đức Ngh và không yêu cầu Tòa xem xét về việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Anh H xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 22/10/2021, ông Dương Văn C - Tổ trưởng tổ dân phố Lê Lợi, phường Lê Lợi cung cấp: Anh Mai Đức H và chị Nguyễn Ngọc A có được gia đình tổ chức lễ cưới hỏi từ năm 2014 và đã về chung sống tại số nhà E, ngõ S, đường NVC, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang. Theo được biết, anh H và chị A chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó chị A bỏ về nhà bố, mẹ đẻ sinh sống, bản thân anh H cũng không thường xuyên sinh sống tại địa chỉ nhà trên, khi thay đổi nơi cư trú anh H không báo cáo chính quyền địa phương về nơi ở hiện nay. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa chị A và anh H chính quyền địa phương không nắm được. Anh H và chị A có một con chung là Mai Đức Ngh, sinh năm 2015, nay anh H, chị A ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giao cho con cho người phù hợp nhất, đảm bảo quyền lợi của cháu Ngh.

Tại phiên tòa, Chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, về con chung đề nghị giao cho anh H nuôi con Mai Đức Ngh và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung. Chị A khai, khi nộp đơn cuối năm 2020 chị đã nộp tạm ứng án phí, sau đó do chị không nộp biên lai thu tạm ứng án phí cho Tòa án nên Tòa án trả lại đơn khởi kiện, vì vậy tiền tạm ứng

án phí chị đã nộp ngày24/11/2020 chưa được xem xét, khi nộp lại đơn khởi kiện, chị đã đề nghị Tòa án xem xét, cho nộp lại biên lai thu trên, nay chị đề nghị HĐXX xem xét đối với án phí chị phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp từ ngày 24/11/2020.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đã có đề nghị vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa án làm việc, đã không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng đã có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị HĐXX căn cứ điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227, điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị xử cho chị Nguyễn Ngọc A và anh Mai Đức H ly hôn. Về con chung, giao cho anh Mai Đức H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Mai Đức Ngh, sinh ngày 01/01/2015. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét. Về án phí, chị A phải chịu. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2].Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thành phố Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng pháp luật. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và đã có đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX căn cứ điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, Giấy trích lục kết hôn do nguyên đơn cung cấp, xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, chị Nguyễn Ngọc A và anh Mai Đức H đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký

kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang ngày 31/12/2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Lời khai của chị Nguyễn Ngọc A cùng xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, chị Nguyễn Ngọc A và anh Mai Đức H sau khi kết hôn đã về chung sống cùng nhau, đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc, nuôi dạy con, không bảo ban được nhau trong làm ăn khiến kinh tế gia đình khó khăn, dẫn đến thường xuyên cãi vã, tranh chấp, cuối năm 2020 chị A đã gửi đơn xin ly hôn, sau đó do Tòa án trả lại đơn, chị A và anh H hòa giải, tiếp tục chung sống đến tháng 2 năm 2021 thì mâu thuẫn gay gắt nên quyết định sống ly thân. Từ đó đến nay, chị A và anh H mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc, thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H đến làm việc, hòa giải nhưng anh H không chấp hành, ngày 07/12/2021, anh H đã có ý kiến xác định nhất trí lý hôn. Do anh H không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự được. Cho đến nay, chị A vẫn kiên quyết ly hôn, HĐXX xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị A và anh H đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng đã ly thân thời gian gần một năm và không thể hòa giải, căn cứ điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang để xử cho A và anh H ly hôn.

Về con chung: Chị A và anh H có một con chung là Mai Đức Ngh, sinh ngày 01/01/2015, hiện cháu Ngh khỏe mạnh và đang do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét ý kiến của chị A và anh H đều đề nghị Tòa án giao cháu Nghĩa cho anh H nuôi, HĐXX xét thấy đây là ý chí tự nguyện của anh H, chị A nên HĐXX quyết định giao cho anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngh. Về cấp dưỡng nuôi con, chị A và anh H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Sau khi ly hôn, chị A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đối với tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lại thu số AA/2018/0001721 ngày 24/11/2020, do chị A không nộp biên lai thu tạm ứng án phí trên cho Tòa án theo thời gian ấn định, nên Tòa án không thụ lý vụ án mà trả đơn khởi kiện cho nguyên đơn. Do số tiền tạm ứng án phí trên chưa được xử lý, do đó tiền án phí nguyên đơn phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp ngày 24/11/2020.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227, điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật

Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc A và anh Mai Đức H ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho anh Mai Đức Hquyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Mai Đức Ngh, sinh ngày 01/01/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, chị A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0001721 ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Xác nhận chị A đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bắc Giang;
- TAND, VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS TP Bắc Giang;
- UBND P Lê Lợi, TP Bắc Giang
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng